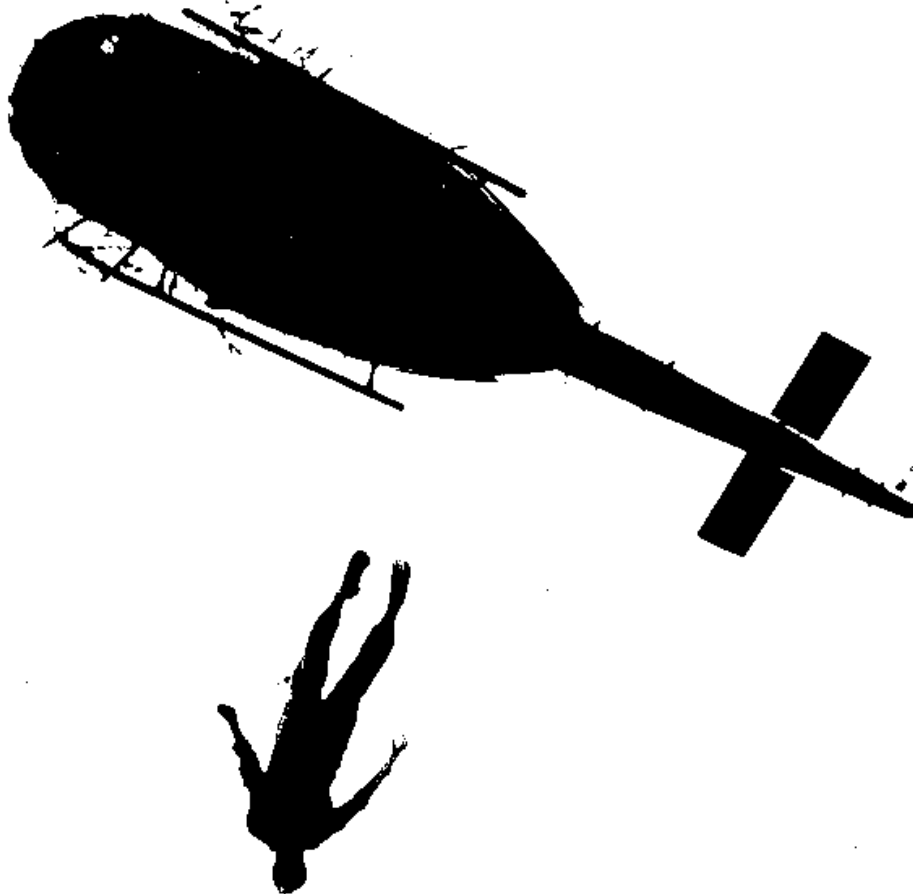


B P



LÀM SAO NGƯỜI GIÓ BÃO

Đầu tháng 4 năm nay, khi tôi trở về, từ miền nam nước Pháp, thì đã vàng một quãng đường xanh!

Con đường vắng ngắt, êm ả, đầy bóng mát, dành cho người đi bộ và xe đạp, từ khu nhà tôi (đi bộ) ra trung tâm thành phố, gần 3km. “Con đường ...mình tôi đi” này, nằm giữa thiên thai (cánh rừng bên trên) và hồng trần (quốc lộ N118 phía dưới), nên (thường) khi yên tĩnh, lúc ồn ào, mỗi đầu xuân, đều có một khoảng đường “mai” (forsythia) nở rộ vàng tươi, cái màu vàng của “đầu voi, phát ngọn cờ vàng” Trưng Nữ Vương, của lá cờ đất nước thân yêu. Oái oăm thay, cái màu vui tươi đó, chỉ mang lại cho tôi nỗi buồn bã, ngậm ngùi! Nhất là năm nay!

1975-2025. 50 năm, có bao nhiêu (chục) triệu người Việt Nam bị “hội chứng tháng 4” : ít nói, biếng cười, trầm ngâm, ưu tư, lặng lẽ v.v...? Người hải ngoại, người quốc nội, người “Bắc”, người “Nam”, người già, người trẻ : những người “sinh sau, đẻ muộn” sau 75, phản kháng trên mạng xã-hội, “tranh đấu nhân quyền”, tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm v.v... ! Những người mà, “hai câu nói sau cùng khi lìa đời”, phải là hai chữ TỰ DO!

50 năm là nửa thế kỷ . Nhưng tôi không gọi 50 năm tang tóc quê hương là nửa thế kỷ nhọc nhằn. Bởi vì nó bị con sông ... “Bến Hải thời-gian” chia 2 : 25 năm thế kỷ 20 + 25 năm thế kỷ 21!

Ngày kỷ niệm 50 năm hôn lễ, người Pháp gọi “ngày Kim Khánh” (noce d’or). Ngày kỷ niệm 50 năm tang lễ, người miền Nam gọi giản dị là “ngày Quốc Hận”. “Quốc” không chỉ “Hận” từ 50 năm nay. Mà đã “Hận” từ 71 năm trước, từ ngày 20/7/1954 đất nước phải chia đôi, đến “Hận” tột cùng ngày 30/4/1975 quê hương bị “thống nhất”. Hận như “Hận Đồ Bàn” (Xuân Tiên) ! Khi cả nước bị nhuộm đỏ. Khi chuyên chính lên ngôi. Khi Tự Do xuống hố. Khi những trại tù mọc như nấm khắp quê hương !

Thửa học trò tôi yêu nhất mùa hè. Nếu với nhiều (?) người, nói đến Hè là nói đến Thanh-Sơn-Nỗi-buồn-hoa-phượng, “mỗi năm đến hè lòng man mác buồn” thì với tôi, hè là ca khúc của Hùng Lĩnh. “Trời hồng hồng, sáng trong trong. Ngàn phượng rung nắng ngoài song. Cành mềm mềm gió ru êm. Lọc màu mây bích ngọc qua màu duyên “. Âm giai “Do” trường vui tươi, nốt reo vang, lời trong sáng, tuy có vài câu hơi khó hiểu với chú bé 7 tuổi (lọc màu mây bích ngọc, đàn chim cánh đo trời, thuyền ai biếng trôi, lúa dòn cao sóng vv ??? !). Nên, tôi thích hát version của thằng bạn hàng xóm : “Trời hồng hồng, sáng trong trong. Ba ngời xem má ... chổng mông... !!!”, hát xong hai đứa cười dòn ! Cho đến hôm bị ông anh kể đùa vì nghe lời hát nhảm nhí “mày mà còn hát vậy nữa là tao mét Thầy Mẹ” làm thằng nhỏ rét quá, bỏ luôn ! Nhưng “Khỏe vì nước, bánh ướt tôm khô” thì không sao, bởi chàng cũng “chè đậu đen 5 cốc một tô ...” như tôi !

Ngoài” Hè về”, cậu học trò lớp 5 (CP) còn mấy bài tử : Em yêu ai (Nếu hỏi rằng em yêu ai..), Khỏe vì nước (kiến thiết quốc gia !) , Thằng Tí sún (nghe cái răng nham nhở vô cùng/ vì nó lười đánh răng sớm tối / lại ăn kẹo suốt ngày không thôi ..), toàn những sáng tác của nhạc sĩ lớn Hùng Lĩnh (ông cũng viết rất nhiều ca khúc cho Công giáo). Chưa hết, “Việt Nam Minh Châu Trời Đông” của nhạc sĩ, được Việt Nam Quốc Dân Đảng (Nguyễn Thái Học) và Đại Việt Quốc Dân

Đặng (Trương Tử Anh) chọn làm đảng ca. Xin cảm ơn dòng nhạc “trong-sáng-thánh-thiện” Hùng Lâm!

Lớn lên, 2 năm cuối trung học, tôi yêu Hạ Hồng của Phạm Duy, một ca khúc rất “hồng” cho tuổi “17 bẽ gãy sừng trâu”, với những câu tí ti nhục dục (Phạm Duy mà): “... Mùa hè đưa ta tới hồng hoang / Trần trường yêu nhau giữa trời đất.. ” . Lớn thêm tí (sinh viên) thì lại yêu “The summer knows ” nhạc đệm phim “ Summer of ’42” (của Robert Milligan/1971) với lời viết Phạm Duy “Hè 42 “. Yêu trước hết là những notes Michel Legrand (Le... Grand musicien !), yêu tiếp vì lời Việt Phạm Duy, yêu thêm với tiếng hát Duy Quang (1973) : “Hè đã tới rồi / Mùa hè cười vui/ Cởi phăng áo đời / Hè đi phơi phơi ... ” .

Nhưng mùa hè tuổi sinh viên của chúng tôi đã không “đi phơi phơi “. Khi trước đó là một mùa xuân buồn thảm, đau thương ! Và cổng trường đại học 75 đã khép lại bất ngờ ! Bất ngờ như giấc mơ “Nhà Bình” của những Bác Sĩ khóa 21 Sĩ Quan Quân Y Hiện Dịch (1968-1974), khóa Quân Y tốt nghiệp cuối cùng của QLVNCH. Các tân Trung Úy Y Sĩ nhận giấy ra đơn vị ngày 26/2/1975. Đúng 1 tháng sau, 26/3/1975, một trong số họ: Bác Sĩ Vũ đức Giang, Tiểu Đoàn 7 Thủy Quân Lục Chiến, đã bị địch bắt ở cửa Thuận An sau khi từ chối lên chiếc LCU duy nhất rút đi. Ông chọn ở lại để chăm sóc đồng đội bị thương ! Đêm 30 Tết năm 1977, sau gần 2 năm tù tội, BS Giang uống thuốc độc tự vẫn, ở tuổi 28 !!!

Bao nhiêu người miền Nam đã tự chọn lấy cái chết từ sau ngày mất Ban- Mê?

– Nhiều lắm!

Từ một số chiến sĩ TQLC của Lữ Đoàn 147 trên bãi biển cửa Thuận An 26/3/1975, ngồi tụ lại vòng tròn, rút chốt lựu đạn ! (1) cho đến Đại Tá Nguyễn Hữu Thông, con chim đầu đàn của Trung đoàn 42, sư đoàn 22, đã khước từ di tản khuya ngày 1/4/75 và quyết định tự tử (2). Ngày 30/4, tuân theo quân lệnh của Tổng Tư Lệnh Quân Đội Dương văn Minh, ở Sài Gòn, ở Lai Khê, ở Mỹ Tho, ở Cần Thơ, ở khắp 2 ... vùng đất nước (!) , người Lính QLVNCH đã buông súng chờ “bàn giao”, trong đó, không ít những người đã “buông súng”, buông tay, sau khi tự vẫn bằng độc dược (như tướng Phú, tướng Hai), bằng tự bắn vào cằm (như tướng Vỹ), vào ngực (như tướng Hưng), vào đầu (như trung tá Long, tướng Nam) vv. Ở Chương Thiện, Đại Tá Tiểu khu trưởng Hồ ngọc Cẩn, bất tuân quân lệnh, thà chết không hàng, cuối cùng bị bắt và bị xử bắn ngày 14/8/1975. Ở Sài Gòn, khuya 3/5/1975, cựu Tổng Trưởng Ngoại Giao (Nội các Trần văn Hương) Trần Chánh Thành tuấn tiết tại tư gia !

Tháng 3, tháng 4 là hai tháng “giỗ” nhất miền Nam !!!

Bây giờ, Việt Nam Cộng Hòa đã là một quốc gia thuộc về quá khứ! Nó đã biến mất trên bản đồ thế giới từ 50 năm nay ! Nhưng không phải vì thế mà “Sài Gòn” (gọi Sài Gòn là gọi cả “miền Nam” !) bị chôn sống. Dù bị bức tử, như trong một lời hát Phạm Duy (Sài Gòn đã chết rồi / phải mang tên xác người) nhưng Sài Gòn vẫn “trường tồn”. Sài Gòn sống trong lòng người, không sống trong quần .. chúng. Qua 21 năm âm nhạc Miền Nam (54-75), qua những trang sách văn

chương, nghệ thuật (phim ảnh, tranh vẽ, nhiếp ảnh vv) của gần 252 tháng Cộng Hòa (7/54-5/75), qua nếp sống văn hóa, lễ nghĩa của con-cháu-miền-Nam. Gần 50 năm nay, ở Việt Nam : “nhạc “Cách Mạng” đã bị dân ... “cắt mạng” (chôn) / sách tuyên truyền để lộng kiếng cho ...”oai” (?) !”.

Tôi dám khẳng định là, từ quá khứ đến tương lai, từ hôm qua đến ngày mai, trên thế giới, chỉ mỗi một Việt Nam Cộng Hòa là Độc Cô Cầu Bại về Nhạc Lính và “hồi ký”. Nhạc Lính thì .. đương nhiên. Nhưng hồi ký cũng là “trăm hoa đua nở” : hồi ký chính trị (Bảo Đại, Nguyễn bá Cẩn, Nguyễn cao Kỳ vv) , hồi ký quân đội (Cao văn Viên, Tôn thất Đính, Trần văn Đôn , Nguyễn chánh Thi, Trần ngọc Nhuận vv), hồi ký văn nghệ (Phạm Duy, Khánh Ly, Thanh Lan vv) , văn chương (Nguyễn Sa, Nguyễn thủy Long/từ VN gởi sang, Nhã Ca, Nhật Tiến, Nguyễn hiền Lê, Hoàng hải Thủy, Duyên Anh vv), hí họa (Chóe), điện ảnh (Kiều Chinh), hồi ký chiến tranh (bài viết, phỏng vấn, của quân nhân các binh chủng QLVNCH : tướng Trần văn Nhựt (SĐ 2), các sĩ quan : Ngô văn Xuân (SĐ 23), Phan văn Huân, Vũ xuân Thông, Phạm châu Tài, Lê đắc Lực (Biệt Kích Dù) ; Vương Mộng Long v.v..., (BĐQ), Trương Dưỡng, Lê Minh Ngọc, Lê văn Phát, Đào thiện Tuyền, Trương văn Út / Út Bạch Lan vv (Nhảy Dù), Ngô văn Định, Tô văn Cấp, Trần ngọc Toàn, Phạm văn Chung vv (TQLC), Võ Ý, Lê xuân Nhị, Đào hiếu Thảo v.v... (KQ), Phan lạc Tiếp, Hồ văn Kỳ Thoại v.v... (HQ), Trần văn Ngà (sư đoàn 21) v.v... , hồi ký “ngục tù cải tạo” (Hà thúc Sinh, Tạ Ty, Lý Tòng Bá, Phạm Bá Hoa, Phan Nhật Nam, Hoàng tích Thông, Nguyễn thị Thanh Nga, Vũ Ánh v.v...) , hồi ký “thuyền nhân”(Dương Phục, Vũ thanh Thủy, v.v...) , hồi ký H.O (Đặng trần Huân v.v...), ODP (Đoàn Thêm v.v...) , hồi ký “30-4” v.v... !

Sau thời Quốc Xã, nhật ký của cô bé Do Thái Anne Frank đã “đánh động” lòng người. Đó là một trong 10 cuốn sách được đọc nhiều nhất thế giới (Unesco 2009). Trong cái rừng “hồi ký miền Nam”, dường như không có một hồi ký nào có ảnh hưởng đến thế giới như hồi ký của Anne (?). Mặc dù đã có trên 500.000 nạn nhân CS sau ngày 30/4 (chết vì vượt biên, vượt biển, hải tặc, tù cải tạo, “kháng chiến”, chiến tranh Cam Bốt, nhập cư “lậu” nước ngoài vv) !

Hồi ký “tị nạn” (chính trị) là hồi ức của mỗi người tị-nạn. Nói “hồi ký” là nói đến cái “tôi-trần tục”. Nhưng cái “tôi” của người tị-nạn VN thì đáng thương hơn đáng “ghét”! Nên, nếu trong hồi-ký-tị-nạn có những chữ muộn phiền, những câu buồn bực, móc ngoéo, xỉ vả cái chính quyền “chuyên chính” đã xua người ra biển, đuổi đi kinh tế mới, đã tra tấn, bỏ tù kẻ chiến-bại, bắt giam người đòi hỏi nhân quyền v.v... là chuyện bình thường thôi ! Chưa “xổ nho” đã là may ! Tuy nhiên, có lẽ, ít tác giả nào có một giọng văn chừng mực, biết “kềm chế”, lại có những thoáng cười (dù châm biếm) như ông Tạ Chí Đại Trường (1938-2016) trong cuốn hồi-ký-cải-tạo “Một khoảnh Việt Nam Cộng Hòa nổi dài” (Thanh Văn, ex. An Tiêm, xuất bản 1993). Cuốn hồi ký đó, được viết bằng cây bút của một sử gia (thạc sĩ Văn Khoa SG), một Đại Úy quân nhân biệt phái QLVNCH, giải “Tổng Thống” bộ môn Sử 1970, với tác phẩm “Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802”, tù cải tạo “75-81”. Lúc xuất bản sách, ông Trường còn ở Việt Nam

nhưng, với khí tiết của một nhà sử học, ông bảo ông Thanh Văn “cứ in như bản gởi, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm, không có gì phải sợ”.

Về một cuộc trốn trại, ông Trường viết:

“..Một giờ đi lấy cơm ăn trước khi lên chuồng đủ để người ta thu thập tin tức. Chúng tôi cũng thấy đội 11 lữ đi vào cổng, về phòng, cửa đóng sập sau lưng họ. Quả thực có cuộc cướp súng trốn trại với chủ mưu là ban tự quản đội: đội trưởng, đội phó, thư kí, 4 tổ trưởng. Họ chuẩn bị khá kỹ. Trong hai tháng qua họ đã để dành phần khoai của mình, đem phơi khô làm lương thực dự phòng. Thường lệ đi tẩm có mang theo túi đựng quần áo thay đổi, đến ngày khởi sự họ mang số lương khô ấy theo mình. Họ không khởi sự vào buổi trưa mà đợi lúc chiều tối. Lúc keng báo thu xếp cuộc xêng, họ chia nhau ôm vật hai quần chế, một quần giã để giết súng. Họ không thành công chớp nhoáng được vì dây súng mắc vào người các quần chế nên sinh giằng co. Thấy động lâu người đội trưởng hô anh em chạy trước còn mình ở lại cùng cản trở với đội phó. Tất nhiên khi buông chạy thì họ lãnh loạt đạn trước tiên. Xác họ nằm úp trên bờ đất, óc tung tung toé. Năm người khác biến mất vào bìa rừng ..”.

Bằng ngòi bút của một người chép sử, ông điềm tĩnh ghi lại, không một câu phi báng, không một chữ hận thù, dù trong lòng ông đang tori bời bão tố! “... . Xác họ nằm úp trên bờ đất, óc tung tung toé ..”, tôi đọc mà rùng mình, gai óc ! Người viết sử trung thực là một ... nhiếp ảnh gia. Có sao, “chụp” thế. Nghĩ thế nào là chuyện của người thứ ba. Có đâu như những sử gia ... nô, gia “nô” CS, viết sử theo lệnh Đảng, theo quyền lợi Đảng cho, sửa đổi, sắp xếp cho phù hợp với “đảng lệnh”, nhắm mắt mà chữi, mà vu cáo, nhiều khi bằng những lời lẽ mà người có suy nghĩ tí cũng phải chau mày !

Có một đoạn ông Trường làm tôi bật cười, khi kể lại câu chuyện một ông cán bộ, chắc trình độ “primaire” thời Pháp thuộc (?), nên khi tịch thu được cuốn tiểu thuyết “Vol de nuit” (Chuyến bay đêm) của văn hào Pháp Saint Exupéry đã hậm hực chê bai “ đúng là bọn thực dân, cổ vũ cho chuyện ... “ăn cắp đêm” !) .

1975-2025. Chưa bao giờ mà mấy câu hát của Y Vân làm tôi thấm thía như lúc này : “Em ơi có bao nhiêu / 60 năm cuộc đời...”. Ủ ờ nhỉ ,60 năm cuộc đời, đâu có bao nhiêu ?! Nhìn lại đi, mới đó mà đã 50 năm ! Một cái “vèo” ! Như mấy chiếc lá trong sân nhà cụ Nguyễn khắc Hiếu (vèo trông lá rụng đầy sân) !

Cách đây 48 năm (1977), ở Cali, Trung Úy di tản Lê Tất Điều (thi sĩ Cao Tần) một lần ngồi buồn, lồi tẩm căn cước cũ ra xem mà ngao ngán “.. Hỡi thằng chiến binh một đời dững cảm/ Mày lang thang đất lạ đến bao giờ ?”. Tuy không là chiến binh, dù chả một lần dững cảm, nhưng gã học trò như tôi đã rất nhiều lần lang thang trên đất lạ, ôm nỗi buồn một kẻ lưu vong !

Nhưng đó là bốn mươi mấy năm về trước. 48 năm sau : đất “lạ” đó đã không còn lạ lẫm / mà lạ lẫm là mảnh đất quê hương ! Những cụ di tản, vượt biên về thăm gia đình, đã ngẩn ngơ, buồn bã, không nhìn ra đường xưa, lối cũ ! Những

con đường đã thay tên, những góc phố đã không còn, những ngôi trường đã đổi họ. Và những “cố nhân” đã bạc trắng mái đầu, thân xác héo hon, không nhìn ra nổi. Trừ đôi mắt năm xưa !!! Chợt nhớ câu hát Đynh Trầm Ca ngày đó, nhớ tiếng chị Lệ Thu “Ru con tình cũ “:”Ồi / ba(o) năm qua rồi/ đời chưa nguôi gió bão “ !

Làm sao nguôi gió bão ? Khi ký ức vẫn còn đầy những kỷ niệm ngày xưa, dù đã hơn 50 năm ?!

Có một thời để yêu “Tuổi nào nhìn lá vàng úa chiều nay ? ” và một thời để hỏi “Tuổi vàng nhìn lá nào úa chiều nay ?”.

Chiếc lá nào vàng? Chiếc lá nào khô? Chiếc lá nào sắp rụng?

“Bao nhiêu năm cuối?

– Là bao.... ??!! “

BP

17/04/2025

(1) : Tháng Ba gãy súng / Cao Xuân Huy

(2) : Hồi ký Cao Văn Viên